

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN MÔ  
TRƯỜNG THCS YÊN HOÀ**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Năm học 2025-2026**

*Tháng 06 năm 2026*

Số: 30/BC-TrTHCS

Yên Mô, ngày 15 tháng 6 năm 2026

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 - 2026

(Về thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường,  
theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên nhà trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có)

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Yên Hoà

#### 2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của nhà trường

Địa chỉ Thôn Yên Hòa, xã Yên Mô, tỉnh Ninh Bình Điện thoại HT:

0372728669

Hệ thống văn bản quản lý và điều hành: <http://qlvbdh.ninhbinh.gov.vn>

#### 3. Loại hình của nhà trường, cơ quan quản lý trực tiếp:

Trường trung học cơ sở Yên Hoà là loại hình trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và trực tiếp quản lý.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân xã Yên Mô.

Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên của trường chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

#### 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

##### 4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, phát huy tính sáng tạo, có kỹ năng sống, biết thích ứng, phát triển tối đa phẩm chất và năng lực cá nhân, trở thành những công dân có ích, góp phần xây cho quê hương, đất nước giàu đẹp

##### 4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2025, duy trì đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Tiếp tục củng cố và duy trì vị thế của nhà trường là một trong những đơn vị có phong trào và chất lượng giáo dục ngày càng phát triển, là địa chỉ tin cậy để các bậc cha mẹ học sinh tin tưởng gửi gắm con em mình học tập, rèn luyện, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

Đến năm 2030, phấn đấu đạt được 1 số tiêu chuẩn mức 4 kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

##### 4.3. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu giáo dục của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất

lượng giáo dục theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục THCS; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập và phát triển toàn diện, có khả năng tiếp tục học lên THPT hoặc đi vào cuộc sống lao động. Để đáp ứng được các yêu cầu đó, nhà trường phải tập trung thực hiện các mục tiêu chiến lược sau:

Đổi mới công tác quản lý và quản trị nhà trường. Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên.

Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của từng học sinh.

Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, STEM, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

Xây dựng văn hóa nhà trường.

Huy động các nguồn lực phát triển nhà trường.

*a. Giai đoạn 1 (2021-2023)*

- Đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 2, trường chuẩn Quốc gia

Mức độ 1.

- Có 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá, tốt trở lên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học.

- Tỷ lệ học sinh lưu ban hàng năm không quá 2%; không có học sinh bỏ học.

- Chất lượng các mặt giáo dục:

Kết quả về rèn luyện

+ Tốt - Khá: 99,0% trở lên.

+ Không có học sinh xếp loại hạnh kiểm Yếu/Chưa đạt

Kết quả về học tập:

+ Giỏi - Khá: 65% trở lên.

+ Loại Yếu, Kém không quá 2%

- Tỷ lệ học sinh lên lớp hàng năm: 98% trở lên

- Học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS hàng năm: 98% trở lên.

- Chất lượng đại trà qua tuyển sinh vào lớp 10 THPT đạt mức bình quân chung của huyện trở lên, không có học sinh bị điểm liệt.

- 100% đạt yêu cầu trở lên về kiểm tra thể lực theo chuẩn của Bộ GDĐT.

- Nâng cao tỷ lệ học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.

- Duy trì trường đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc". Giấy khen "Có thành tích cao trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi".

*b. Giai đoạn 2 (2024-2026)*

- Đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 3, trường chuẩn Quốc gia

Mức độ 2.

- 100% giáo viên, cán bộ quản lý đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo (cử nhân) theo quy định của Luật giáo dục 2019.

- Đảm bảo hợp lý cơ cấu giáo viên theo môn học.

- Duy trì các chỉ tiêu chất lượng giáo dục (rèn luyện, học tập, lên lớp, tốt

nghiệp, ...)

*c. Giai đoạn 3 (2027-2030)*

- Rà soát các tiêu chuẩn để thực hiện công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục duy trì Cấp độ 3, trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

- Đến năm 2030, phấn đấu đạt được 1 số tiêu chuẩn mức 4 kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

- Chất lượng giáo dục bền vững được khẳng định. Thương hiệu nhà trường được nâng cao.

**5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.**

Trường THCS Yên Hoà được thành lập năm 1959. Trải qua 67 năm xây dựng và phát triển, trường THCS Yên Hoà đã từng bước có sự phát triển cả về quy mô và chất lượng giáo dục. Hiện nay, nhà trường đã có 02 dãy nhà hai tầng, đủ các phòng học cho học sinh (HS) học 01 ca/ngày, đủ các phòng khối hành chính quản trị và các thiết bị dạy học (TBDH) hiện đại.

Trải qua sáu mươi bảy năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã luôn phát huy truyền thống tốt đẹp, có nhiều đóng góp quan trọng trong sự nghiệp giáo dục huyện Yên Mô. Trong các năm học qua, nhà trường đã tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm học: Nhiều năm liền nhà trường được UBND huyện tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, được UBND tỉnh tặng giấy khen là đơn vị có thành tích cao trong phong trào thi đua của ngành năm học 2022-2023, 2023-2024.

Tháng 10 năm 2013 nhà trường được UBND tỉnh Ninh Bình công nhận “Trường học đạt chuẩn Quốc gia” lần 1; tháng 11 năm 2018 nhà trường tiếp tục được UBND tỉnh Ninh Bình kiểm tra công nhận tái đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1; năm 2016 nhà trường được Sở GDĐT Ninh Bình công nhận trường đạt tiêu chuẩn CLGD cấp độ 3.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật**

Họ tên: Lê Thị Hải; Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Lạc Hiền, xã Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Số điện

thoại: 0372728669

Thư điện tử: [lehaiha2012@gmail.com](mailto:lehaiha2012@gmail.com)

**7. Tổ chức bộ máy:**

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của nhà trường (Không)

7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường;

Hiệu trưởng: Lê Thị Hải

- Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Yên Mô về việc điều động, bổ nhiệm bà Lê Thị Hải giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Yên Hoà, xã Yên Hoà, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình kể từ ngày 1/4/2022.

Phó Hiệu trưởng: Vũ Văn Học

- Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của Chủ tịch UBND

huyện Yên Mô về việc điều động, luân chuyển và bổ nhiệm ông Vũ Văn Học giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Yên Hoà, xã Yên Hoà, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình kể từ ngày 25/8/2022.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

a. Cơ cấu tổ chức nhà trường

- Hiệu trưởng: Lê Thị Hải
- 01 Phó Hiệu trưởng: Vũ Văn Học.
- Hội đồng thi đua khen thưởng;
- Hội đồng kỷ luật;
- Hội đồng tư vấn;
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: Chi bộ gồm 26 đảng viên trực thuộc Đảng

bộ xã Yên Hoà.

- Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Gồm 04 đoàn viên. Bí thư chi Đoàn: Vũ Thị Phương Thảo.

- Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh: Liên Đội gồm 12 Chi Đội với 473 Đội viên. Tổng phụ trách Đội: Nguyễn Thị Diễm

- 02 tổ chuyên môn:

+ Tổ Khoa học tự nhiên: Gồm 12 thành viên. Tổ trưởng: Nguyễn Văn Hanh.

+ Tổ Khoa học xã hội: Gồm 12 thành viên. Tổ trưởng: Phạm Thuỳ Dung.

- Tổ văn phòng: Gồm 03 thành viên. Tổ trưởng: Phạm Thị Nhung.

- Lớp học: Gồm 12 lớp học với 473 học sinh; và 05 HSKT không đánh giá

b. Chức năng, nhiệm vụ

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

7.5. *Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.*

Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
Lê Thị Hải	Hiệu trưởng	0372728669	lehaiha2012@gmail.com
Vũ Văn Học	P. Hiệu trưởng	0947778565	vuvanhockd@gmail.com

Phân công trách nhiệm:

**a. Lê Thị Hải - Hiệu trưởng**

**Nhiệm vụ chung**

- Xây dựng cơ cấu, tổ chức bộ máy nhà trường theo Điều 8 của Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT;
- Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng sư phạm nhà trường và các cấp có thẩm quyền;
- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;
- Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; thực hiện việc tuyển dụng giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động; tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;
- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;
- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường;
- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường;
- Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường;
- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;
- Trực tiếp giảng dạy 2 tiết/tuần, tổ chức việc thực hiện chế độ làm việc và tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện chế độ làm việc theo được quy định tại Thông tư 05/2025/TT-BGDĐT;

**Nhiệm vụ phụ trách trực tiếp**

- Công tác tổ chức, tư tưởng chính trị; Quản lý và điều hành mọi hoạt động

của nhà trường; triệu tập và chủ tọa các phiên họp của nhà trường; tổ chức chỉ đạo triển khai các chủ trương của Đảng, Nhà nước và các cấp tới CBQL, GV, NV, học sinh toàn trường,

- Phụ trách công tác Tổ chức, Tài chính, Thi đua - Khen thưởng - Kỷ luật;
- Xây dựng các quy chế, quy định của nhà trường;
- Xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch năm, tháng, tuần của nhà trường, tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học;

- Thực hiện công tác thanh, kiểm tra nội bộ của đơn vị, CSVC;

- Phụ trách công tác công khai, xã hội hóa;
- Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ;
- Sinh hoạt chuyên môn với tổ KHXXH;
- Phụ trách công tác trường chuẩn quốc gia;

- Phụ trách công tác kiểm định chất lượng giáo dục,

- Trực tiếp ký duyệt kế hoạch của các tổ chức đoàn thể, kế hoạch chuyên môn của nhà trường; các văn bản gửi các cấp, các ngành và các văn bản khác liên quan đến hoạt động nhà trường,

- Quản trị mạng (phụ trách chính website nhà trường)
- Chịu trách nhiệm trước UBND xã Yên Mô, Phòng VH-XH xã Yên Mô về

toàn bộ hoạt động của nhà trường.

### **b. Phó Hiệu trưởng**

#### **Nhiệm vụ chung**

- Phó hiệu trưởng là người giúp việc trực tiếp cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về các nhiệm vụ được phân công. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Phó hiệu trưởng theo khoản 2 Điều 10 Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/2/2026 ban hành Điều lệ trường TH, THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình công tác năm học được cụ thể trong từng học kỳ, hàng tháng và từng tuần theo nhiệm vụ được phân công.

- Định kỳ báo cáo với Hiệu trưởng về: Kết quả công tác, dự thảo kế hoạch, đề xuất hoặc xin ý kiến về chương trình công tác của các công việc được phân công. Đối với công việc được Hiệu trưởng ủy quyền giải quyết phải báo cáo với Hiệu trưởng sau khi giải quyết công việc. Được xác nhận, ký thay các văn bản khi được Hiệu trưởng uỷ quyền.

- Trong năm học (hoặc học kỳ) căn cứ vào tình hình cụ thể, phó hiệu trưởng được phân công, phụ trách và chỉ đạo trực tiếp một số hoạt động của nhà trường. Trực tiếp giảng dạy 4 tiết/tuần, tổ chức việc thực hiện chế độ làm việc và tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện chế độ làm việc theo được quy định tại Thông tư 05/2025/TT-BGDĐT; Thông tư 15/2017/TT-BGDĐT.

#### **Nhiệm vụ phụ trách trực tiếp**

Tham mưu với Hiệu trưởng và trực tiếp chỉ đạo các công việc cụ thể sau:

- Phụ trách công tác chuyên môn: Thực hiện chương trình, thời khoá biểu, quy cách soạn bài, đổi mới phương pháp, thực hiện chế độ cho điểm, đánh giá xếp

loại học sinh; hoạt động của các tổ chuyên môn. Bồi dưỡng Học sinh giỏi, các cuộc thi khác của học sinh.

- Quản lý, chỉ đạo hoạt động dạy thêm – học thêm trong nhà trường.
- Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật, hoạt động đoàn thể.
- Chỉ đạo bộ phận thiết bị, dụng cụ dạy học.
- Kí duyệt giáo án tổ KHTN, Kí xác nhận KHBD của Hiệu trưởng.
- Duyệt học bạ, sổ điểm khối 7,8. Ký sổ đầu bài khối 6,7,8,9
- Kí các loại văn bản thuộc lĩnh vực chuyên môn khi được ủy quyền.
- Sinh hoạt chuyên môn với tổ KHTN
- Phụ trách hoạt động III, lao động, công tác phổ cập, bổ túc văn hóa, hướng nghiệp, cơ sở vật chất, thiết bị. Tham gia ban giám đốc TTHTCD xã; phối hợp xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động của TTHTCD.
- Chỉ đạo các câu lạc bộ hoạt động theo kế hoạch
- Trục Giám hiệu theo phân công.

### 8. Các văn bản khác của nhà trường:

Chiến lược phát triển của nhà trường; Quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường; Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;

Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của nhà trường và các quy định, quy chế nội bộ khác.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	<b>Tổng số, CBQL GV, NV</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>24</b>	<b>0</b>	<b>3</b>		<b>6</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>														
	<b>Trong đó số giáo viên dạy môn:</b>	<b>21</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>6</b>	<b>15</b>		<b>17</b>	<b>4</b>		
1	Toán	4		1	3				1	3		4			
2	KHTN (Lý)	1			1					1		1			
3	KHTN (Hóa)	1			1				1	0		1			
4	KHTN (Sinh học)	2			2				1	1	0	2			
5	Ngữ văn	3			3				0	3		3			
6	Lịch sử	1			1				0	1		1			
7	Địa lí	1			1				0	1		1			
8	Công dân	1			1					1		1			
9	Tiếng Anh	3			2				2	1		2			
10	Mỹ thuật	1			1				1	0		1			



8	Bình quân học sinh/lớp	39,41	
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	0	
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	11.165m <sup>2</sup>	23.60
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	6.500	13,7
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	972	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	468	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	216	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	54	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	54	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	4	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	
1.1	Khối lớp 6	1	
1.2	Khối lớp 7	1	
1.3	Khối lớp 8	1	
1.4	Khối lớp 9	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	0,5	
2.2	Khối lớp 7	0,5	
2.3	Khối lớp 8	0,5	
2.4	Khối lớp 9	0,5	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	30	
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		
1	Ti vi	19	
2	Máy trợ giảng	03	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	05	
5	Thiết bị khác: âm thanh di động	02	

		Số thiết bị/lớp	
<b>X</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>	12	1.1
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác: Âm thanh di động		

		Số lượng (m <sup>2</sup> )		
	Nội dung	0		
<b>XI</b>	<b>Nhà bếp</b>	0		
<b>XII</b>	<b>Nhà ăn</b>		Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )		
<b>XIII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	0		
<b>XIV</b>	<b>Khu nội trú</b>	0		

<b>XV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	2	0	1	0	1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(\*Theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 14/3/2026 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
<b>XVI</b>	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
<b>XVII</b>	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
<b>XVIII</b>	Kết nối internet	x	
<b>XIX</b>	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
<b>XX</b>	Tường rào xây	x	

## 2. Danh mục sách giáo khoa được nhà trường lựa chọn để giảng dạy năm học 2025-2026

### 2.1 LỚP 6

TT	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Môn (HDGD)	Ghi chú
1	<b>Ngữ văn 6</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	Ngữ văn	
2	<b>Toán 6</b> (Cánh diều)	Đỗ Đức Thái và các tác giả	Đại học sư phạm	Toán	
3	<b>Tiếng Anh 6</b> (Global success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Nguyễn Thị Chi (Chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	Tiếng Anh	
4	<b>KHTN 6</b> (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên, kiêm chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	KHTN	
5	<b>Lịch sử và Địa lý 6</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên), Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Lịch sử và Địa lý	
6	<b>Giáo dục công dân 6</b> (Cánh diều)	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên) và các tác giả	Đại học Sư Phạm	GDCD	
7	<b>Âm nhạc 6</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	Âm nhạc	
8	<b>Mĩ thuật 6</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	Mĩ Thuật	
9	<b>Tin học 6</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	Tin học	
10	<b>Công Nghệ 6</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	Công Nghệ	
11	<b>Giáo dục thể chất 6</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	GDTC	
12	<b>Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6</b> Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	HĐTN, HN	

## 2.2 LỚP 7

TT	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Môn (HDGD)	Ghi chú
1	<b>Ngữ văn 7</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	Ngữ văn	
2	<b>Toán 7</b> (Cánh diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên) và các tác giả	Đại học sư phạm	Toán	
3	<b>Tiếng Anh 7</b> (Global success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Nguyễn Thị Chi (Chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	Tiếng Anh	
4	<b>KHTN 7</b> (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên, kiêm Chủ biên) và các	Giáo dục Việt Nam	KHTN	

		tác giả		
5	<b>Lịch sử và Địa lý 7</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	Lịch sử và Địa lí
	<b>Giáo dục công dân 7</b> (Cánh diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng chủ biên) và các tác giả	Đại học Sư Phạm	GDCD
7	<b>Âm nhạc 7</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	Âm nhạc
8	<b>Mĩ thuật 7</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	Mĩ Thuật
9	<b>Tin học 7</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Tin học
10	<b>Công Nghệ 7</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	Công Nghệ
11	<b>Giáo dục thể chất 7</b> (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	GDTC
12	<b>Hoạt động TN HN 7</b> (Chân trời sáng tạo)	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên) và các tác giả	Giáo dục Việt Nam	HĐTN, HN

## 2.3 LỚP 8

TT	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Môn (HĐGD)	Ghi chú
1	<b>Toán 8</b> Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm	Toán	
2	<b>Khoa học tự nhiên 8</b> Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (Đồng chủ biên); Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung; Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị	Giáo dục Việt Nam	Khoa học tự nhiên	

		Minh Tuyên, Nguyễn Văn Vịnh.		
3	<b>Công nghệ 8</b> Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thuý.	Giáo dục Việt Nam	Công nghệ
4	<b>Tin học 8</b> Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng, Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Anh.	Giáo dục Việt Nam	Tin học
5	<b>Giáo dục thể chất 8</b> Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Giáo dục Việt Nam	Giáo dục thể chất
6	<b>Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8</b> Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Lại Thị Yên Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp
7	<b>Ngữ văn 8 (tập 1,2)</b> Kết nối tri thức với cuộc sống	- Tổng chủ biên: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Các tác giả: Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Anh Tuấn, Lê Trà My Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	Ngữ văn tập 1,2
8	<b>Lịch sử và Địa lí 8</b> Kết nối tri thức với cuộc sống	- Tổng Chủ biên: Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ. - Các tác giả: Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú, Đào Ngọc Hùng, Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam	Lịch sử và địa lí
9	<b>Tiếng Anh 8</b> Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Lương Quỳnh Trang (chủ biên)...	Giáo dục Việt Nam	Tiếng Anh
10	<b>Giáo dục công dân 8</b> Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc ( Tổng chủ biên), Phạm Việt Thắng ( Chủ biên), Bùi Xuân Anh,	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản- Thiết	Giáo dục công dân

		Dương Thị Thủy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang.	bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)		
11	<b>Âm nhạc 8</b> Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.	Âm nhạc	
12	<b>Mĩ thuật 8</b> Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng chủ biên); Đoàn Thị Mỹ Hương (chủ biên)	Giáo dục Việt Nam.	Mĩ thuật	

## 2.4 LỚP 9

TT	Môn (HĐGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn	Ngữ văn 9, tập 1. Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Minh Thương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Ngữ văn 9, tập 2. Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ Biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt	
2	Toán	Toán 9, Tập 1, Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	phần Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
		Toán 9, Tập 2. Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	
3	Tiếng Anh	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên	Khoa học tự nhiên 9 Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tâm (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tấn Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử	Lịch sử và Địa lí 9	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên	Nhà xuất bản

TT	Môn (HĐGD) và Địa lí	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
		Kết nối tri thức với cuộc sống	suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục Công dân	Giáo dục Công dân 9 Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thinh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang, Trần Văn Thắng.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
7	Tin học	Tin học 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc	Âm nhạc 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Mỹ thuật	Mỹ thuật 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chân Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Chân trời sáng tạo bản 1	Đình Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yên Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Công Nghệ	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Kết nối tri thức với	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh, Phạm Khánh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Môn (HĐGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
		cuộc sống		
		Công nghệ 9 - Mô đun Trồng cây ăn quả Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Công nghệ 9 - Mô đun Chế biến thực phẩm Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Xuân Thành (Chủ biên), Đặng Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Tiến	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

\* Môn Công nghệ 9 nhà trường sử dụng bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống gồm 02 Modun như sau:

Môn Công Nghệ	Công nghệ 9 Định hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 9 Mô đun Trồng cây ăn quả Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

#### IV. Kết quả tự đánh giá (năm học 2025-2026)

##### 1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

("X": Tiêu chí được đánh giá Đạt; "/": Tiêu chí không đánh giá; "-":

Tiêu chí có đánh giá nhưng Không đạt)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	/
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	-
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	/
Tiêu chí 1.8		X	X	/
Tiêu chí 1.9		X	X	/

Tiêu chí 1.10				/
<b>Tiêu chuẩn 2</b>		x	x	
Tiêu chí 2.1				x
Tiêu chí 2.2		x	x	-
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 3</b>		x	x	
Tiêu chí 3.1				x
Tiêu chí 3.2		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	-	x
Tiêu chí 3.4		x	x	/
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	/
Tiêu chí 5.4		x	x	/
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x		x

**Kết quả: Đạt mức 1**

**1.1.Đánh giá tiêu chí Mức 4**

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		-	
Khoản 2, Điều 22		-	
Khoản 3, Điều 22		-	
Khoản 4, Điều 22		-	
Khoản 5, Điều 22	X		
Khoản 6, Điều 22	X		

**Kết quả: Không đạt Mức 4**

**Kết luận: Trường đạt Mức 1**

**2. Kết quả đánh giá ngoài**

- Năm học 2015-2016, trường đã được Sở GDĐT tổ chức đánh giá ngoài theo

Quyết định số 22/QĐ-SGDĐT ngày 27/7/2015 của Sở GDĐT Ninh Bình.  
- Kết quả:

+ Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 (Theo Quyết định số 271/QĐ-SGDĐT ngày 06/04/2016 của Sở GDĐT Ninh Bình)

+ UBND tỉnh công nhận trường đạt tái chuẩn Quốc gia Mức độ 1 (Theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình)

### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện</b>	<b>473</b>	<b>119</b>	<b>122</b>	<b>134</b>	<b>98</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	96.62%	97.48%	94.26%	96.27%	98.98%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2.96%	2.52%	4.10%	3.73%	1.02%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.42%	0%	1.64%	0%	0%
4	Chưa Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo kết quả học tập</b>	<b>473</b>	<b>119</b>	<b>122</b>	<b>134</b>	<b>98</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	25.16%	26.05%	23.77%	26.87%	23.48%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	48.41%	47.90%	51.64%	46.27%	47.96%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	24.52%	23.53%	20.49%	26.12%	28.57%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1.90%	2.52%	4.10%	0.75%	0%
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>473</b>	<b>119</b>	<b>122</b>	<b>134</b>	<b>98</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98.09%	97.47%	95.90%	99.25%	100%
a	Học sinh đạt loại tốt (tỷ lệ so với tổng số)	25.16%	26.05%	23.77%	26.87%	23.48%
b	Học sinh đạt loại khá (tỷ lệ so với tổng số)	48.41%	47.90%	51.64%	46.27%	47.96%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.90%	2.52%	4.10%	0.75%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	0.21	0	0	0.75	0
5	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.21	0	0	0	1.02
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.42	0	0	0.75	1.02
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, TDTT</b>	<b>115</b>	<b>15</b>	<b>28</b>	<b>42</b>	<b>29</b>
1	Cấp xã	23	4	3	1	15

2	Cấp tỉnh (VH và TDTT thi trực tiếp)	7	0	0	1	6
	Cấp tỉnh (Thi trực tuyến)	79	11	21	39	8
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế. (ioe)	6	0	5	1	0
V	Số học sinh hoàn thành chương trình THCS	98	0	0	0	98
VI	Số học sinh chưa hoàn thành chương trình THCS	0	0	0	0	0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	250/223	63/56	58/54	77/67	52/46
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	3	0	0	2	1

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật

### 1.1. Các khoản thu, phân theo:

#### - Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2025:

+ Dự toán năm trước chuyển sang:	5.158.000 đồng.
+ Dự toán giao đầu năm 20245:	7.197.617.000 đồng
+ Dự toán cấp bổ sung năm 2025	1.187.124.000 đồng.
+ Dự toán được sử dụng năm 2025:	8.389.899.000 đồng.
+ Số dư năm 2025 chuyển sang 2026:	73.221.000 đồng

#### - Học phí công lập năm học 2025-2026:

+ Số tồn kỳ trước chuyển sang:	40.857.600 đồng.
+ Số thu học phí công lập kỳ II năm học 2024-2025:	123.690.000 đồng.
+ Số học phí được cấp kỳ I năm 2025-2026:	287.400.000 đồng
+ Số học phí cấp bù kỳ II năm 2025-2026:	3.705.000 đồng
+ Số tiền được sử dụng trong năm 2025:	455.652.600 đồng.

### 1.2. Các khoản chi, phân theo:

TT	Nội dung	Mã NDKT	Số liệu quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1	Tiền lương	6000	3.611.397.900	3.611.397.900
2	Tiền công trả cho lao động TX	6050	55.785.600	55.785.600
3	Phụ cấp lương	6100	2.094.455.800	2.094.455.800
4	Học bổng và hỗ trợ khác cho HS	6150	15.450.000	15.450.000
5	Phúc lợi tập thể	6200, 6250	581.294.000	581.294.000
6	Các khoản đóng góp	6300	1.001.306.200	1.001.306.200

			4.650.000	4.650.000
7	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	6400	23.829.200	23.829.200
8	Thanh toán dịch vụ công cộng	6500	194.637.400	194.637.400
9	Vật tư văn phòng	6550	25.928.200	25.928.200
10	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6600	66.341.900	66.341.900
11	Công tác phí	6700	48.341.900	48.341.900
12	Chi phí thuê mướn	6750		55.957.800
13	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	6900	266.601.000	266.601.000
14	Mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn	6950	305.349.300	305.349.300
15	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	7000	9.000.000	9.000.000
16	Tài sản vô hình	7050	304.005.000	304.005.000
17	Chi khác	7750	9.500.000	9.500.000
18	Chi cho các sự kiện lớn	7900	8.631.489.300	8.631.489.300
	<b>Tổng cộng</b>			

**2. Các khoản thu và mức thu đối với người học**  
(bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí trong năm học)

**2.1. Khoản thu học phí:**

Mức học phí: Vùng nông thôn: 150.000 đồng/học sinh/tháng

**2.2. Khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:**

Stt	Nội dung thu	Số tiền	Ghi chú
1	Nước uống (Lắp cây nóng, lạnh tại lớp học)	10.000/hs/tháng	

**2.3. Khoản thu khác:**

Stt	Nội dung thu	Số tiền	Ghi chú
1	Bảo hiểm thân thể	200.000đ/hs/năm	Tự nguyện
2	Bảo hiểm y tế	632.800 đ/hs/năm	Thu hộ
3	Quỹ Đội	20.000đ/hs/năm	Đội thu, chi và quản lý theo qui định

**3. Các nội dung công khai tài chính khác:**

Thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1. Kết quả các cuộc thi thi Giáo viên, học sinh

1. CB,GN,NV: Thi TDTT cấp xã: 03 giải (02 bạc- môn Pickleball- đôi nữ, bóng bàn -đôi nam; 01 đồng- môn cầu lông đôi nữ)

2. Học sinh:

Cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp xã: Có 01 dự án của HS lớp 9A đạt giải KK. Cuộc thi Ngày hội STEM cấp tỉnh: Có 01 dự án của HS lớp 8A,9A đạt loại Xuất sắc. Toàn Đoàn xếp thứ được Sở GD&ĐT Ninh Bình tặng cờ Giải Ba.

Thi trực tiếp HSG 8, 9 các môn văn hoá cấp tỉnh: 5/10 HS tham gia đạt giải Khối 9: 04, Khối 8: 01 (trong đó có 01 nhì, 02 ba, 02 KK)

Thi TDTT tổng có 25 giải trong đó cấp tỉnh đạt 02 giải KK; cấp xã đạt 23 giải (8 vàng, 7 bạc, 8 đồng- đạt cờ ba toàn đoàn cấp xã).

Thi HSG 6.7 cấp trường có 20 em đạt giải ((01 nhất, 3 nhì, 6 ba, 10 KK)

Dự thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai: 01 bài thi của HS tham dự

Cuộc thi IOE cấp Quốc gia: 06 em đạt giải (01 Bạc, 02 đồng, 03 KK); Cấp tỉnh có 42 HS đạt giải (02 nhất, 11 nhì, 12 ba, 17 KK)

Cuộc thi đấu trường Toán học cấp tỉnh: 37 giải (26 vàng, 8 bạc, 3 đồng)

Cuộc thi STTTN nhi đồng cấp xã: 02 giải KK

### 2. Hoạt động NGLL, văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao

- Chỉ đạo và kết hợp với Đội Thiếu niên, Đoàn Thanh niên làm tốt các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, vệ sinh môi trường. Đảm bảo trường lớp luôn sạch sẽ là môi trường giáo dục tốt. Tập thể Giáo viên và học sinh luôn tích cực tham gia bảo vệ, bổ sung cảnh quan môi trường, giữ vệ sinh công cộng và cá nhân.

- Thực hiện nghiêm túc “Tuần lễ sinh hoạt tập thể” để học sinh tìm hiểu về truyền thống, về tổ chức của nhà trường, học tập nội quy trường, lớp. Tổ chức tốt “Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời”;

- Hoạt động thể dục thể thao:

CLB Thể dục thể thao của nhà trường hoạt động thường xuyên và đạt kết quả vượt chỉ tiêu đầu năm học. Kết quả cụ thể là:

*Cấp xã:*

+ Đối với học sinh: Có 23 giải gồm: Có 08 giải nhất 07 giải Nhì; 08 giải Ba

+ Đối với GV: 03 giải (02 HCB môn bóng bàn- đôi nam, 01 pickleball- đôi nữ, 01 HCB môn cầu lông đôi nữ). Toàn đoàn được cờ 3 ngành giáo dục.

*Cấp Tỉnh*

+ Đối với học sinh: Có 02 giải KK môn điền kinh

Tuy nhiên: Đối với môn thi bóng chày, bóng rổ kết quả còn chưa cao.

- Công tác giáo dục đạo đức, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống ma túy, bạo lực học đường được nhà trường, Liên đội lồng ghép vào chương trình hoạt động trong kế hoạch tuần, tháng hoặc theo chuyên đề riêng nhằm đảm bảo đầy đủ nội dung và hiệu quả của việc tuyên truyền.

- Công tác giáo dục kỹ năng sống luôn được nhà trường coi trọng, nhiều nội dung giáo dục kỹ năng sống được lồng ghép vào trong nội dung giảng dạy các môn học, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm, bằng nhiều hình thức sinh động, linh hoạt nên học sinh tiếp thu được một cách tự nhiên, không gượng ép, tạo nên hứng thú cho học sinh.

- Tuyên truyền, giáo dục cho thiếu nhi thực hiện nghiêm túc nề nếp, kỷ cương học đường, ý thức chấp hành pháp luật, phòng chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn giao thông qua các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống như: Nói không với bạo lực học đường và xâm hại trẻ em; Chăm sóc sức khỏe vị thành niên; Phổ biến luật An toàn giao thông; Kỹ năng khai thác, sử dụng Internet phục vụ nhu cầu học trực tuyến và giải trí an toàn, hiệu quả; Kỹ năng phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích, cứu hộ cứu nạn; Tuyên truyền tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử.

### 3. Kết quả đánh giá xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể

- Chi bộ: Năm 2025, xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ", chi bộ trong sạch, vững mạnh.

- Liên Đội: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

### 4. Kết quả đánh giá viên chức và thi đua cuối năm học

- Kết quả đánh giá viên chức: BHG cấp trên đánh giá 02/02 (tỷ lệ 100%); GV, NV 26/26 (tỷ lệ 100%) cá nhân hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Trong đó: cá nhân HTXS NV là: 05/26 (19.23%); cá nhân HTTNV: 19/26 (73.08%) (trong đó có 01 nhân viên hợp đồng theo ND 111); cá nhân HTNV: 02/26 (7.69%)

- Kết quả thi đua:

*Tập thể:*

*Cá nhân:* 03 đc được chủ tịch UBND xã tặng danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở, 05 đc được tặng giấy khen, 11 đồng chí được tặng danh hiệu LĐTT.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2025-2026 về thực hiện công khai trong hoạt động của trường THCS Yên Hoà (theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)./.

### Nơi nhận:

- Phòng VH-XH xã (để báo cáo);
- CBQL, GV, NV toàn trường;
- Niêm yết Bảng tin công khai;
- Website trường;
- Ban đại diện CMHS;
- Lưu: VT.



**Lê Thị Hải**